

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày 24/9/2020.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản, tranh chấp hui họ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu**.

2. Ông: **Phạm Đức Minh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLDS-ST ngày 08/5/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hui họ*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-DS ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn:

- Bà Quách Thị Trúc L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 21, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Đoàn Đình H, sinh năm 1984 địa chỉ: Tổ 21, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/11/2019, bà T có cho vợ chồng bà L, ông H vay 60.000.000đ, khi vay tiền có ông H đi cùng nhưng không ký vào giấy nhận tiền, mục đích vay là để

buôn bán, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, chậm nhất là ngày 01/4/2020 vợ chồng bà L, ông H trả cả gốc và lãi nhưng đến nay không trả.

Đồng thời trong năm 2019, bà L là chủ của 02 dây huê, cụ thể:

- Ngày 20/5/2019, bà L làm chủ 01 dây huê 5.000.000đ (huê tháng), sổ vào ngày 20/6/2019 theo đó mỗi tháng một kỳ, gồm có 20 chân huê, huê áp thảo do người cầm cái lấy đầu tiên. Tôi chơi 01 chân, đã đóng 09 kỳ, cụ thể tháng 5/2019 là 5.000.000đ, từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2020 (tháng 01/2020 do tháng tết nên không sổ) là 09 tháng còn lại đóng mỗi tháng 3.300.000đ là 29.700.000đ. Cộng với tháng đầu áp thảo 5.000.000đ, tổng cộng là 34.700.000đ.

- Ngày 25/9/2019, bà L làm chủ 01 dây huê 5.000.000đ (huê tháng), sổ vào ngày 25/10/2019 theo đó mỗi tháng một kỳ, gồm có 22 chân huê, huê áp thảo do người cầm cái lấy đầu tiên. Tôi chơi 01 chân, đã đóng 05 kỳ, cụ thể tháng 9/2019 là 5.000.000đ, từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020 (tháng 01/2020 do tháng tết nên không sổ) là 04 tháng còn lại đóng mỗi tháng 3.300.000đ là 13.200.000đ. Cộng với tháng đầu áp thảo 5.000.000đ, tổng cộng là 18.200.000đ.

Quá trình chơi huê ông H nhiều lần trực tiếp nhận tiền huê từ bà T và nhiều lần bà T chuyển tiền huê qua tài khoản cho ông H. Do đó, bà T yêu cầu vợ chồng bà L, ông H hoàn trả 112.900.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Trong đó, nợ vay 60.000.000đ, tiền huê đã đóng của 02 chân huê năm 2019 là 52.900.000đ.

Bà T yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2020.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp gồm bản gốc 01 giấy vay tiền ngày 07/11/2019; Bản photocopy Giấy giao kèo chơi huê sổ ngày 20/6/2019; bản in thông tin Viettinbank về giao dịch chuyển tiền từ bà Trần Thị T cho ông Đoàn Đình H vào các ngày 10-11/11/2019, 24/12/2019, 01/3/2020 và 03 lần giao dịch tHnh công cho tài khoản ông Đoàn Đình H tại Ngân Hng NN&PT NT Việt Nam với các số tiền 5.000.000đ, 5.000.000d và 8.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bi đơn bà L trình bày: Năm 2019 bà T có hót 01 chân huê được 67.000.000đ, bà L chỉ đưa cho bà T 7.000.000đ và giữ lại 60.000.000đ. Ngày 07/11/2019, bà L viết giấy vay số tiền này. Đối với 02 chân huê bà T trình bày như trên là đúng. Bà L trình bày bà vay số tiền trên nhằm cho vay lại kiếm lời chênh lệch và làm chủ các dây huê với mục đích là để kiếm thêm thu nhập về trang trải cuộc sống cho gia đình, một phần là để trả nợ của bà trước đây đã kinh doanh, làm ăn thua lỗ. Nay bà L khởi kiện yêu trả số tiền trên bà L đồng ý.

Bị đơn ông H cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng ông mỗi người một công việc làm ăn riêng, mục đích là kiếm thêm thu nhập để trang trải cuộc sống của vợ chồng. Quá trình làm ăn thua lỗ nên bà L nợ nần nhiều người. Đối với chứng cứ chuyển tiền bà T cung cấp là đúng nhưng số tài khoản tại Ngân Hng Agribank của ông, đã lâu ông không sử dụng mà do bà L sử dụng, việc bà L vay tiền bà T ông không có mặt, không ký giấy vay và không biết cũng như việc bà L

làm chủ các dây huê ông cũng không biết, không tham gia đi thu tiền như bà T trình bày nên không đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà T.

Bà L, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và ông H trả cho bà T tổng số tiền nợ vay và huê là 112.900.000đ, tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2020, hoàn trả tiền bà T đã đóng bảo đảm, buộc bà L và ông H chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả tạm ứng án phí cho bà T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của bà T về nợ vay và tiền chơi huê:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L thừa nhận ngày 07/11/2019 bà có vay của bà T 60.000.000đ và có làm chủ 02 dây huê, trong đó bà T chơi mỗi dây 01 chân huê và đã đóng số tiền tổng cộng là 52.900.000đ như bà T trình bày phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền và giấy giao kèo chơi huê bà T đã cung cấp. Bà T yêu cầu trả tổng số tiền nợ và huê 112.900.000đ, bà L đồng ý.

[1.1] **Xét trình bày của ông H:** Mặc dù ông H không ký tên vào giấy vay tiền ngày 07/11/2019 nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 19/5/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H, bà L đều thừa nhận từ khi bà L làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều người vợ chồng vẫn chung sống một nhà, chưa ly hôn; mọi hoạt động kinh doanh của vợ chồng đều phục vụ cho nhu cầu, cuộc sống của vợ chồng; việc bà L mở quán cà phê, vay tiền của nhiều người để cho vay lại kiếm chênh lệch, làm chủ các chân huê ông H có biết nhưng không rõ vay của ai, bao nhiêu. Điều này phù hợp với trình bày của bà T về việc ông H nhiều lần trực tiếp đi thu tiền huê của bà và chứng cứ bà T nhiều lần chuyển tiền huê cho bà L, ông H qua số tài khoản của ông H. Do đó, việc ông H cho rằng ông không biết việc bà L vay tiền và chơi huê với bà T là không có cơ sở xem xét.

Từ các phân tích trên cần áp dụng Điều 463, 466 bộ luật dân sự buộc vợ chồng ông H, bà L trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ và huê là 112.900.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời: Xét thấy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà T 10.000.000đ đã nộp để bảo đảm cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

[3] Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà L, ông H phải nộp $112.900.000đ \times 5\% = 5.645.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm.
 - Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.
- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hui họ*” với bị đơn vợ chồng bà Quách Thị Trúc L, ông Đoàn Đình H.

Buộc vợ chồng bà Quách Thị Trúc L, ông Đoàn Đình H trả cho bà Trần Thị T 112.900.000đ (Một trăm mười hai triệu chín trăm ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, Hng thắng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Quách Thị Trúc L, ông Đoàn Đình H phải nộp 5.645.000đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị T 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019636 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông H, bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/9/2020 để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Phạm Đức Minh

Nguyễn Văn Linh